

Số: /BC-STP

Hưng Yên, ngày tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi khác và kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi khác và kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các quan hệ xã hội

Từ ngày 01/7/2025, chính quyền địa phương cấp huyện kết thúc hoạt động, tỉnh Hưng Yên triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp với 104 xã, phường. Việc chuyển giao các nhiệm vụ PBGDPL trước đây thuộc cấp huyện làm tăng trách nhiệm tổ chức thực hiện của cấp xã, trong khi nhân lực và kinh phí chưa được bảo đảm tương ứng. Kinh phí PBGDPL chủ yếu được bố trí trong dự toán ngân sách chung của địa phương, ảnh hưởng đến tính chủ động trong triển khai nhiệm vụ.

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16 được Quốc hội thông qua ngày 23/8/2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027, bổ sung nội dung truyền thông chính sách; chú trọng bảo đảm nguồn lực, kinh phí, đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong PBGDPL. Luật quy định thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã (khoản 2 Điều 7) và PBGDPL cho đối tượng đặc thù, trong đó có người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất (Điều 16). Các quy định này đặt ra yêu cầu chuẩn bị điều kiện triển khai tại địa phương, nhất là về tổ chức hoạt động và bảo đảm kinh phí.

Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2027 có ít nhất 80% người dân khu vực thành thị và 60% người dân khu vực nông thôn được tiếp cận thông tin pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu, ứng dụng số, công nghệ số. Việc thực hiện mục tiêu này đòi hỏi tăng cường sản xuất, cung cấp sản phẩm PBGDPL trên môi trường số, phù hợp với nhu cầu tiếp cận của người dân.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và chuyển đổi số đặt ra yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức PBGDPL nhằm phòng ngừa vi phạm pháp luật, nhất là vi phạm trong thanh, thiếu niên và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian

mạng. Trên địa bàn tỉnh có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất với hàng trăm nghìn công nhân làm việc theo ca, khó tham gia các buổi PBGDPL trong giờ hành chính. Bên cạnh đó, tính xuyên biên giới của không gian mạng đặt ra yêu cầu cung cấp thông tin pháp luật chính thống, kịp thời trên các nền tảng số. Dự thảo Nghị quyết không có nội dung trực tiếp liên quan đến việc thực hiện điều ước quốc tế.

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

- Chủ trương, đường lối của Đảng:

Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Kết luận số 80-KL/TW, ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 09-KL/TW, ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Chỉ thị số 16-CT/TU, ngày 16/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 23/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác phòng ngừa, xử lý đối với vi phạm pháp luật, tội phạm liên quan đến đạo đức xã hội. Công văn số 3030-CV/TU, ngày 23/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU, ngày 16/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Chính sách, pháp luật của Nhà nước:

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15); Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”; Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 771/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định

mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2026; Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Quan hệ xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc cần được quy định cụ thể liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc quy định mức chi cụ thể và quyết định nội dung, mức chi khác về PBGDPL phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Qua rà soát, một số nội dung chi, mức chi và cơ chế bảo đảm kinh phí PBGDPL tại tỉnh chưa được quy định cụ thể hoặc cần được cụ thể hóa để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, gồm:

a) Hỗ trợ công nhân trong danh sách trả lương của doanh nghiệp tại khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp tiếp cận thông tin pháp luật: Thông tư số 56/2023/TT-BTC và Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND chưa quy định khoản hỗ trợ đặc thù cho nhóm đối tượng này. Đặc điểm làm việc theo ca ảnh hưởng đến việc bố trí thời gian tham gia hoạt động PBGDPL của công nhân. Việc tổ chức các buổi PBGDPL ngoài giờ làm việc hoặc vào ngày nghỉ cũng gặp khó khăn trong huy động người tham gia.

b) Tổ chức phiên tòa giả định phục vụ PBGDPL: Đây là hình thức PBGDPL trực quan, đã được nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh thực hiện thí điểm, nhất là đối với các nội dung pháp luật hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc chưa quy định cụ thể mức chi cho xây dựng kịch bản, bồi dưỡng người tham gia đóng vai, thuê trang phục, đạo cụ trong Thông tư số 56/2023/TT-BTC gây khó khăn trong lập dự toán, tổ chức thực hiện và thanh toán, quyết toán kinh phí.

c) Sản xuất nội dung số, ứng dụng chuyển đổi số trong PBGDPL: Nhu cầu xây dựng video ngắn, đồ họa thông tin (infographic) và duy trì các trang, kênh mạng xã hội chính thống ngày càng tăng. Việc vận dụng các nội dung chi có liên quan và các quy định được dẫn chiếu tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC để thực hiện những hoạt động này còn gặp khó khăn trong xác định sản phẩm, khối lượng công việc, lập dự toán và quyết toán kinh phí. Do đó, cần cụ thể hóa nội dung, mức chi phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm không trùng lặp với các khoản chi đã được pháp luật quy định.

d) Hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã: Các mức chi đối với Hội đồng phối hợp PBGDPL tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC được quy định theo mô hình tổ chức từ cấp huyện trở lên. Trong điều kiện chính quyền địa phương cấp huyện đã kết thúc hoạt động và Luật số 12/2026/QH16 quy định thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã, cần rà soát, quy định cụ thể nội dung, mức chi phù hợp để bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng ở cấp xã.

đ) Kinh phí PBGDPL của cấp xã: Kinh phí hiện chủ yếu được bố trí trong phần ngân sách địa phương phân bổ theo định mức đối với cán bộ, công chức,

chưa có nội dung chi riêng. Thực trạng này gây khó khăn cho các xã, phường trong việc chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động thường xuyên và ứng dụng công nghệ số trong PBGDPL. Trước khi hợp nhất, từ năm 2014, tỉnh Thái Bình (cũ) bố trí mục chi riêng cho PBGDPL trong quyết định giao dự toán hằng năm, với mức dành cho Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh là 01 tỷ đồng; cấp huyện là 200 triệu đồng/huyện/năm. Hiện nay, chưa có quy định tương ứng cho cấp xã.

Kết quả khảo sát bằng phiếu đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh tính đến ngày **14/10/2026, có 81/104 xã, phường gửi kết quả khảo sát, đạt 78%**. Số liệu do các đơn vị tự báo cáo, được tổng hợp như sau:

- Về kinh phí: Kinh phí PBGDPL của cấp xã chủ yếu được bố trí trong phần ngân sách địa phương phân bổ theo định mức đối với cán bộ, công chức, chưa có nội dung chi riêng. Bên cạnh đó, việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác này còn rất hạn chế, chưa trở thành nguồn kinh phí bổ sung ổn định. Chỉ có 05 đơn vị huy động được kinh phí xã hội hóa, với mức từ 05 đến 40 triệu đồng/đơn vị, chưa đủ để tạo nguồn lực đáng kể phục vụ nhiệm vụ.

- Về hoạt động và quy mô dân số: **Khoảng 28/81 đơn vị đã tổ chức các buổi PBGDPL cho công nhân; 32/81 đơn vị tổ chức PBGDPL trong trường học; 37/81 đơn vị đã sản xuất sản phẩm âm thanh, video hoặc sản phẩm truyền thông khác.**

- Về ý kiến đối với các nội dung đề xuất: **Trong 81 phiếu có ý kiến, có 79/81 đơn vị đồng ý với nội dung chi hỗ trợ công nhân và tổ chức phiên tòa giả định; 02 đơn vị không đồng ý với các nội dung này. Có 81/81 đơn vị trả lời đồng ý với nội dung chi sản xuất nội dung số và nội dung chi cho Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã đồng thời đề nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện các nội dung chi đặc thù ở cấp xã. Một số đơn vị đề nghị ưu tiên địa bàn có quy mô dân số lớn; bố trí người chuyên trách và có chế độ đối với người trực tiếp làm công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.**

2. Lý do cần có quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Thứ nhất, cụ thể hóa khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC và chuẩn bị triển khai Luật số 12/2026/QH16, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí PBGDPL.

Thứ hai, bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ PBGDPL ở cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc xác định mức hỗ trợ theo quy mô dân số nhằm gắn kinh phí với số lượng đối tượng phục vụ, phù hợp với sự khác biệt giữa các địa bàn và khả năng cân đối ngân sách.

Thứ ba, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức PBGDPL, tăng cường ứng dụng công nghệ số, mở rộng khả năng tiếp cận pháp luật của công nhân, người lao động, thanh, thiếu niên; đồng thời bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã.

Thứ tư, các nội dung chi, mức chi dự kiến được áp dụng chung, nhiều lần đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi điều chỉnh và có liên quan đến sử dụng ngân sách nhà nước. Vì vậy, cần được quy định trong nghị quyết của

HĐND tỉnh theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC; điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, HĐND tỉnh Hưng Yên có thẩm quyền quyết định các nội dung chi, mức chi khác và kinh phí thực hiện công tác PBGDPL của địa phương, phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Những nội dung khác

- Về nguồn lực thực hiện: Kinh phí thực hiện các nội dung chi tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết được bảo đảm từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành. Ngoài định mức phân bổ cho hoạt động tuyên truyền, PBGDPL tại Nghị quyết số 771/2025/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết quy định ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí hằng năm cho cấp xã theo 03 nhóm quy mô dân số: dưới 20.000 người; từ 20.000 đến dưới 30.000 người; từ 30.000 người trở lên. Khoản bổ sung này không thay thế trách nhiệm bố trí kinh phí của ngân sách cấp xã. Dự thảo hiện quy định các mức bổ sung tương ứng là 30, 40, 50 triệu đồng/xã, phường/năm; tổng nhu cầu kinh phí cho 104 xã, phường khoảng 04 tỷ đồng/năm. Việc xác định kinh phí cụ thể căn cứ quy mô dân số của từng xã, phường và dự toán ngân sách hằng năm.

- Về thủ tục hành chính và điều ước quốc tế: Dự thảo Nghị quyết không quy định thủ tục hành chính mới; không có nội dung trực tiếp liên quan đến điều ước quốc tế cần đánh giá tính tương thích.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi khác và kinh phí thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, bảo đảm đúng thẩm quyền, phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Đề xuất trình HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất; dự kiến Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027, đồng bộ với thời điểm Luật số 12/2026/QH16 có hiệu lực thi hành.

2. Đề nghị Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, thống nhất mức bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh cho cấp xã, phương thức bố trí và cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí, bảo đảm tính khả thi khi triển khai. Đối với kiến nghị của địa phương về chế độ đối với người làm công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi khác và kinh phí thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Sở Tư pháp trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, PB&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC**Trần Hữu Nam**